|  |  |
| --- | --- |
| BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG  CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG  GIAI ĐOẠN 2016-2020  **VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI**  **NÔNG THÔN MỚI TRUNG ƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 1364/VPĐP-TTHTQT  V/v chuẩn bị kiểm đếm, kiểm toán chương trình hỗ trợ thực hiện hai chương trình mục tiêu quốc gia vay vốn của WB năm 2019 | *Hà Nội, ngày 26tháng 11 năm 2019* |

Kính gửi: Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG các tỉnh:Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Bắc Kạn, Điện Biên, Lai Châu,Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Ninh Thuận,Bình Thuận, Bình Định, Kon Tum, Đắk Lắk, Sóc Trăng, Trà Vinh

Căn cứ Hiệp định tài trợ giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới và Quyết định phê duyệt Văn kiện Chương trình “Hỗ trợ thực hiện hai chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020” *(sau đây gọi tắt là Chương trình PforR);* Năm 2020, Kiểm toán Nhà nước sẽ tiến hành kiểm đếm, xác minh kết quả và kiểm toán các chương trình mục tiêu quốc giatại các tỉnh tham gia Chương trình PforR.

Để chuẩn bị cho công tác kiểm đếm, xác minh kết quả, kiểm toán theo cam kết của Chính phủ Việt Nam đối với Ngân hàng Thế giới; Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ươngđề nghị Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG các tỉnh chỉ đạo, giao các đơn vị chức năng của tỉnh thực hiện các hoạt động, tổng hợp kết quả đã thực hiện năm 2019 và báo cáo theo hướng dẫn tại Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình PforR*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1036/QĐ-BNN-VPĐP ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*, như sau:

**1. Về lập kế hoạch lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương**

- Rà soát quy trình lập kế hoạch lồng ghép (từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã).

- Văn bản hướng dẫn thực hiện việc lập kế hoạch lồng ghép (tỉnh, huyện).

- Danh sách các huyện, xã đã thực hiện đầy đủ quy trình lập kế hoạch lồng ghép.

- Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương (tỉnh, huyện, xã).

- Văn bản góp ý kế hoạch lồng ghép (tỉnh, huyện, xã).

**2. Về các tiểu dự án phát triển cơ sở hạ tầng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020**  (*Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ)*

- Rà soát lại quy trình thực hiện các công trình áp dụng cơ chế đặc thù.

- Văn bản hướng dẫn thực hiện đầu tư và khai thác công trình hạ tầng nông thôn(bao gồm cả kế hoạch vận hành, duy tu bảo dưỡng).

- Sàng lọc tính hợp lệ của tiểu dự án.

- Danh sách các tiểu dự án, công trình áp dụng cơ chế đặc thù đã sàng lọc tính hợp lệ của tiểu dự án (theo các huyện, xã).

- Hồ sơ xây dựng công trình (*bản vẽ thi công theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình, biên bản các cuộc họp cộng đồng, có các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, hướng dẫn về quy trình hiến đất tự nguyện, tham vấn ý kiến cộng đồng; sàng lọc tính hợp lệ của tiểu dự án, báo cáo giám sát…).*

**3. Về các tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất**

- Rà soát quy trình lập và triển khai các tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Văn bản hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Sàng lọc tính hợp lệ của tiểu dự án.

- Danh sách các tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã sàng lọc tính hợp lệ của tiểu dự án (theo các huyện, xã).

- Hồ sơ dự án *(các biên bản họp người dân/đơn vị, đề xuất dự án, báo cáo phân tích chuỗi giá trị, quyết định phê duyệttiểu dự án, sàng lọc tính hợp lệ của tiểu dự án,có các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, danh sách các cá nhân/đơn vị được nhận hỗ trợ khi tham gia tiểu dự án (theo xã, huyện) …).*

**4. Đào tạo nâng cao năng lực**

Danh sách cán bộ các cấp (tỉnh, huyện, xã, thôn) tham gia các lớp tập huấn trong năm 2019 về các nội dung bao gồm: lập kế hoạch lồng ghép các chương trình MTQG vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển cơ sở hạ tầng, quản lý tài chính, giám sát, đánh giá, đấu thầu, quản lý tác động môi trường, xã hội….

Danh sách có đầy đủ các thông tin: lớp tập huấn, thời gian tập huấn, địa điểm tập huấn;họ và tên, đơn vị công tác, nội dung được tập huấn, điện thoại/email liên hệ của cán bộ tham gia tập huấn.

**5. Về cập nhật cổng thông tin điện tử**

Rà soát và định kỳ cập nhật các thông tin về kết quả thực hiện chương trình (MIS), thông tin tài chính (TABMIS) trên cổng thông tin điện tử hoặc trang mạng (website), các đơn vị bị cấm/hạn chế tham gia đấu thầu, tiếp nhận và phản hồi các thông tin liên quan đến hoạt động của chương trình (vướng mắc, khiếu nại…).

**6. Về báo cáo kết quả thực hiện và báo cáo tài chính**

- Báo cáo kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 của tỉnh.

- Báo cáo tài chính thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 của tỉnh.

- Báo cáo kết quả thực hiện chương trình 135 năm 2019 của tỉnh.

- Báo cáo tài chính thực hiện Chương trình 135 năm 2019 của tỉnh.

Các danh sách và báo cáo xin gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương **trước ngày 15/01/2020** để tổng hợp.

Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ Phòng Truyền thông và Hợp tác quốc tế, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Địa chỉ: Nhà B9 - Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; Email: ntm.tthtqt@gmail.com, Điện thoại: 024.3843.8802./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);  - Thứ trưởng Trần Thanh Nam (để b/c);  - Ủy ban Dân tộc;  - Kiểm toán nhà nước;  - VP 135 (để p/h);  - VPĐP NTM 18 tỉnh(để p/h);  - Ban Dân tộc 18 tỉnh (để p/h);  - Lưu: VT, TTHTQT. (80) | **CỤC TRƯỞNG - CHÁNH VĂN PHÒNG**  **Nguyễn Minh Tiến** |

**Phụ lục I.**

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐÃ THỰC HIỆN ĐÀU ĐỦ QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH LỒNG GHÉP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

**Tỉnh:…………………**

**Năm 2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị** | **Số Quyết định phê duyệt** | **Ghi chú** |
|  | Tỉnh………….. |  |  |
| I | Huyện………. |  |  |
| 1 | Xã………….. |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
|  |  |  |  |
| II | Huyện………. |  |  |
| 1 | Xã………….. |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Phụ lục II.**

**DANH SÁCH CÁC TIỂU DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH ÁP DỤNG CƠ CHẾ**

**ĐẦU TƯ ĐẶC THÙ THEO NGHỊ ĐỊNH 161/2016NĐ-CP**

**Tỉnh:…………………**

**Năm 2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tiểu dự án/công trình** | **Số Quyết định phê duyệt hồ sơ công trình** | **Ghi chú** |
|  | Tỉnh………….. |  |  |
| I | Huyện………. |  |  |
| 1 | Xã………….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  |  |  |  |
| 2 | Xã………….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| II | Huyện………. |  |  |
| 1 | Xã………….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  |  |  |  |
| 2 | Xã………….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  |  |  |  |

**Phụ lục III.**

**DANH SÁCH CÁC TIỂU DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**

**Tỉnh:…………………**

**Năm 2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tiểu dự án** | **Số Quyết định phê duyệt tiểu dự án** | **Ghi chú** |
|  | Tỉnh………….. |  |  |
| I | Huyện………. |  |  |
| 1 | Xã………….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  |  |  |  |
| 2 | Xã………….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| II | Huyện………. |  |  |
| 1 | Xã………….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  |  |  |  |
| 2 | Xã………….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  | Tiểu dự án….. |  |  |
|  |  |  |  |

**n**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SÀNG LỌC TÍNH HỢP LỆ của các tiểu dự án  **(CƠ SỞ HẠ TẦNG, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT)**  Xã: Huyện Tỉnh  Năm: 2019   | ***Câu hỏi sàng lọc*** | ***Có*** | ***Không*** | ***Nêu rõ hoạt động nào có câu trả lời là có*** | | --- | --- | --- | --- | | Có hoạt động đề xuất nào trong Chương trình PforR rơi vào một trong những lĩnh vực sau hay không? … |  |  |  | | 1.  Nằm trong những khu vực nhạy cảm về môi trường như rừng nguyên sinh, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, sân chim, khu di tích văn hóa lịch sử được liệt kê trong danh mục được bảo vệ theo Quyết định số 1107/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường không? |  |  |  | | 2. Có hoạt động nằm trong chuỗi giá trị như sản xuất, chế biến, tiếp thị về đồ uống có cồn như rượu bia? |  |  |  | | 3. Có hoạt động nằm trong chuỗi giá trị như sản xuất, chế biến, tiếp thị về các chất có khả năng gây nghiện như thuốc lá, thuốc lào? |  |  |  | | 4. Có công trình chủ yếu phục vụ cho mục đích an ninh quốc phòng? |  |  |  |   Kết luận (Khoanh tròn)   1. Tất cả các hoạt động đều đáp ứng được tiêu chí của Chương trình PforR, không có hoạt động đã đề xuất nào bị loại 2. Có hoạt động vi phạm tiêu chí hợp lệ của Chương trình PforR, do đó sẽ bị loại. Những hoạt động bị loại được liệt kê dưới đây:   . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .  Ngày: . . ./ Tháng . . . / Năm. . .  Người sàng lọc:  Chữ ký |

**Phụ lục IV**

**DANH SÁCH CÁC LỚP TẬP HUẤN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **LỚP TẬP HUẤN** | **ĐỊA ĐIỂM** | **THỜI GIAN** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
|  |  |  |  |

**DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA LỚP TẬP HUẤN VỀ…………….**

Thời gian……………………………………………………………………………..

Địa điểm…………………………………………………………………………….

Đơn vị tổ chức………………………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  1 | **Họ và tên** | **Giới tính** | **Chức vụ** | **Đơn vị công tác** | **Điện thoại liên lạc** | **Ngày tham gia các Khóa tập huấn/hoạt động NCNL của chương trình NTM hoặc GNBV trong năm………** | | | | | **Ghi chú** |
| Lập kế hoạch có lồng ghép | Phát triển cơ sở hạ tầng | Phát triển sản xuất/đa dạng sinh kế | Giám sát và đánh giá | …… |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **….** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

## Phụ lục V.

CẬP NHẬT CỔNG THÔN TIN ĐIỆN TỬ

**Bảng 1. Kết quả xây dựng nông thôn mới**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Kết quả tính đến 31/12 của năm trước** | **Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm...** | **Kết quả thực hiện năm ...** | **Ghi chú** |
| **1** | **Mức đạt tiêu chí bình quân/ xã** |  |  |  |  |
| **2** | **Mức đạt tiêu chí bình quân/ xã của các xã nghèo đặc biệt khó khăn** |  |  |  |  |
| **3** | **Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã** |  |  |  |  |
|  | Số xã đạt chuẩn 19 tiêu chí (đã có Quyết định công nhận) |  |  |  |  |
|  | Số xã đạt 18 tiêu chí |  |  |  |  |
|  | Số xã đạt 17 tiêu chí |  |  |  |  |
|  | ..... |  |  |  |  |
|  | Số xã đạt 01 tiêu chí |  |  |  |  |
| **4** | **Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí** |  |  |  |  |
|  | Số xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch |  |  |  |  |
|  | Số xã đạt tiêu chí số 2 về Giao thông |  |  |  |  |
|  | ..... |  |  |  |  |
|  | Số xã đạt tiêu chí số 19 |  |  |  |  |

**Bảng 2- Kết quả huy động và lồng ghép nguồn lực**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguồn lực** | **Năm XXXX**  **(năm trước)** | **6 tháng đầu năm** | **Cả năm** |
|  | **Tổng số** |  |  |  |
| 1 | NSTW hỗ trợ trực tiếp |  |  |  |
| - | Vốn Đầu tư phát triển |  |  |  |
| - | Vốn Sự nghiệp kinh tế |  |  |  |
| - | Vốn TPCP |  |  |  |
| 2 | NS địa phương |  |  |  |
| 3 | Lồng ghép |  |  |  |
| 4 | Tín dụng |  |  |  |
| 5 | Doanh nghiệp |  |  |  |
| 6 | Cộng đồng |  |  |  |
| 7 | Khác (…) |  |  |  |